

NGUYỄN HUỆ VÀ NGỌC HÂN CÔNG CHÚA

DOÃN QUỐC SĨ sưu tập và biên soạn

Thuở xưa đã có lần tôi tới huyện Bình Khê viếng thăm ngôi nhà cũ của Bình Định Vương Nguyễn Huệ và ngược nhìn lên đèo An Khê mà người dân quanh vùng gọi là đèo Chàng Háng - Ý muốn nói leo đèo này cứ phải chàng háng mà leo từng bước vất vả lắm!

Qua đèo An Khê vẫn theo quốc lộ 19, sẽ tới miền Gia Trung thuộc Pleiku. Sở dĩ mệnh danh miền này là Gia Trung vì có con suối Ya Yung chảy qua đây. Người thiểu số địa phương gọi con suối này là Ya Yung, khi chuyển sang tiếng Việt Nam thành Gia Trung. Nơi đây từ 1976 Việt cộng đã thiết lập một trại giam mệnh danh là trại Gia Trung, cách Sài Gòn khoảng 700 cây số - nếu tôi nhớ không lầm - Bản thân tôi đã bị giam ở đây bốn năm liền từ 1976-1980.

Nhưng thôi, xin dẹp chuyện trại giam Gia Trung của cộng sản để trở lại với Sử Xanh Lưu Truyền: Truyện cập danh nhân Nguyễn Huệ và Ngọc Hân Công chúa.

1. NGỌC HÂN CÔNG CHÚA (1770-1803)

Về Ngọc Hân Công Chúa, sách Việt Nam Danh Nhân Từ Điển của soạn giả Nguyễn Huyền, do cơ sở Zieleks xuất bản năm 1981, chỉ ghi ngắn gọn như sau:

Ngọc Hân Công Chúa tục gọi là Chúa Tiên là con gái út vua Lê Hiển Tông (1770-1803), thông kinh sử, thạo âm luật và sành văn quốc âm.

Năm Bính Ngọ (1786) nàng được gả cho Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ khi ông đem quân ra Bắc tỏ ý phò Lê.

Năm Mậu Thân (1788), Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng Đế, bà được phong làm Bắc Cung Hoàng Hậu.

Vua Quang Trung mất vào năm Nhâm Tý (1792), tính ra bà ăn ở với nhà vua được 6 năm, sinh hạ được một trai và một gái.

Có truyền thuyết cho rằng sau khi nhà Tây Sơn đổ, bà đem hai con về sống lẫn lút trong tỉnh Quảng Nam, sau vì có người chỉ điểm, bà và các con đều bị nhà Nguyễn bắt giết.

Tương truyền bà đã làm rất nhiều thơ văn, nhất là thơ Quốc âm, nhưng nay phần nhiều đều bị thất truyền, chỉ còn lưu lại hai áng văn với lời lẽ lâm ly thống thiết phơi bày nỗi lòng đau đớn, thương nhớ của bà đối với chồng. Đó là bài "Văn Tế Vua Quang Trung" và bài "Khóc Vua Quang Trung" tức Ai Tư Văn theo thể song thất lục bát.

Nhưng nếu tìm đọc Việt Nam Thi Văn Giảng Luận của giáo sư Hà Như Chi xuất bản vào đầu năm 1951, chúng ta còn được biết thêm những chi tiết quý giá khác về tiểu sử Ngọc Hân Công Chúa như sau:

Bà là vị Công Chúa thứ 21 của vua Lê Hiển Tông, mẹ là Nguyễn Thị Huyền, người làng Phú Ninh, tục gọi là làng Nành, tổng Hà Dương, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Từ nhỏ ở trong cung bà đã tập rèn kinh sử và giỏi nghề thi văn. Năm Bính Ngọ (1786) khi Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc tỏ ý phò Lê diệt Trịnh, vua phong cho ông chức Nguyên Soái, tước Uy Quốc Công và gả Ngọc Hân Công Chúa cho. Bà Ngọc Hân đã theo chồng về Thuận Hoá.

Năm Mậu Thân (1788) Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng Đế đặt niên hiệu là Quang Trung rất quý mến bà và đối đãi tử tế với con cháu nhà Lê.

Năm Nhâm Tý (1792) Vua Quang Trung mất bà mới ngoài 20 tuổi và có hai con: một trai, một gái.

Có người nói rằng sau khi nhà Tây Sơn mất, vua Gia Long lấy bà Ngọc Hân không kể lời can gián của triều thần. Có thuyết khác cho rằng bà mất sau khi nhà Tây Sơn mất, chính ông Phan Huy Ích có làm 5 bài văn tế để đọc trong những tuần tế tại điện bà Ngọc Hân. Triều đình Tây Sơn có làm lễ truy tôn miếu hiệu cho bà là Như Ý Trang Thuận Trinh Nhất Vũ Hoàng Hậu.

Bài "Khóc Vua Quang Trung" gồm 164 câu, ôn lại cuộc lương duyên của bà với vua Quang Trung, nhớ lại cảnh sum vầy ngày trước và mong ước được đến tận cõi tiên để dâng lên nhà vua những vật kỷ niệm...

Cảnh khổ ở đời là vậy, đành phải chịu và bà chỉ biết giải bày tâm sự để trời đất chứng giám.

Độc đoạn thơ ngắn trích dẫn sau đây, chúng ta ai mà không thấy rung rung thông cảm với nỗi lòng tan nát tôi bởi của bà:

*Nửa cung gãy phím cầm lành,
Nỗi con cô cút, nỗi mình bơ vơ !
Nghĩ nông nỗi ngẩn ngơ đòi lúc,
Tiếng tử quy thêm giục lòng thương.
Nào người thay, cảnh tiên hương,
Dạ thường quanh quất, mắt thường ngóng trông.
Trông mái đông: lá buồm xuôi ngược,
Thấy mệnh mông những nước cùng mây,
Đông rồi thì lại trông tây:
Thấy non cao ngất, thấy cây rườm rà.
Trông Nam thấy nhận sa lác đác,
Trông bắc thời ngàn bạc màu sương.
Nọ trông trời đất bốn phương,
Cõi tiên khơi thăm, biết đường nào đi.*

Kể tiếp đây ta sẽ Sử Xanh Làn Giờ tới những trang nói về Nguyễn Huệ.

2. NGUYỄN HUỆ (1752-1792)

Vị anh hùng cứu quốc này đã tung hoành suốt 21 năm trường, thoát khỏi binh vào năm Tân Mão (1771) ở Tây Sơn và mất năm Nhâm Tý (1792).

Trong khoảng 21 năm tung hoành này, lấy lòng nhất phải kể hai lần chống ngoại xâm. Lần thứ nhất đánh bại quân Xiêm tại Soài Mút vào năm Giáp Thìn (1784); lần thứ hai là trận đánh đuổi giặc Mãn Thanh ra khỏi Bắc Hà vào năm Kỷ Dậu (1789) để thống nhất nước nhà.

Tục danh Nguyễn Huệ là Thơm, sau đổi tên là Quang Bình. Miếu hiệu: Thái Tổ Võ Hoàng Đế.

Nhị vị thân sinh ra Nguyễn Huệ là Nguyễn Phi Phúc và Nguyễn Thị Đồng. Có thuyết cho rằng tổ tiên vốn họ Hồ, gốc ở huyện Hưng Nguyên, trấn Nghệ An; thuở mới vào Qui Nhơn thì ngụ tại ấp Tây Sơn Nhất, thuộc huyện Quy Ninh, nay là phủ Tuy Phước, tỉnh Bình Định, Trung phần Việt Nam.

Gặp lúc quốc phó Trương Phúc Loan chuyên quyền làm bậy, Nguyễn Huệ cùng với hai anh là Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ nổi dậy chống lại chúa Nguyễn.

Năm Bính Thân (1776) khi Nguyễn Nhạc tự xưng là Tây Sơn Vương, Nguyễn Huệ được phong làm Phụ chính. Đến năm Mậu Tuất (1778), Nguyễn Nhạc lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Thái Đức, Nguyễn Huệ được lãnh chức vị Long Nhữong Tướng Quân.

Vốn có biệt tài về quân sự, kể từ đó Nguyễn Huệ đã giúp vua Thái Đức hết sức đắc lực trong việc chống lại với chúa Nguyễn: Bốn lần đánh vào Gia Định, lần nào cũng đại thắng. Chúa Nguyễn đã từng mấy phen chạy trốn ra đảo Phú Quốc và sang Xiêm.

Lần vào Gia Định năm Giáp Thìn (1784) gặp đoàn quân Xiêm sang cứu viện cho chúa Nguyễn, Nguyễn Huệ đã dùng kế phục binh thắng được một trận về vang tại Soài Mút thuộc địa phận Mỹ Tho. Hai chục ngàn quân và ba trăm chiến thuyền cứu viện của Xiêm, sau trận ấy chỉ còn vài ngàn tàn binh.

Tháng Năm, năm Bính Ngọ (1786) theo lời bàn của Nguyễn Hữu Chỉnh, Nguyễn Huệ đem hai đạo thủy bộ đánh chiếm thành Thuận Hoá. Danh tướng của họ Trịnh là Hoàng Đình Thề tử trận. Thừa thế Nguyễn Huệ cho quân đánh hãm luôn hai đồn Cát Doanh (thuộc Quảng Trị) và Đông Hải (thuộc Quảng Bình), rồi vẫn theo kế hoạch của Nguyễn Hữu Chỉnh tự mình cầm quân kéo thẳng ra Bắc với danh nghĩa phò Lê diệt Trịnh.

Qua Nghệ An, Thanh Hoá một cách dễ dàng, Nguyễn Huệ đã thắng thủy binh của Đinh Tích Nhưỡng ở Lỗ giang, đánh róc vào đại binh của Trịnh Tự Quyền đang đóng giữ tại Kim Động. Ngày 24 tháng Sáu năm Bính Ngọ (1786) trấn Sơn Nam thất thủ, Nguyễn Huệ thừa thắng tiến thẳng tới Thăng Long. Ngày 25 tháng Sáu đánh úp được thủy binh Trịnh dưới quyền Quận Thạc Hoàng Phùng Cơ tại cửa sông Thúy Ái, thắng Trịnh Khải ở Tây Luông. Thế là quân Tây Sơn tiến thẳng vào Thăng Long.

Đề tỏ ý phò Lê, ngày 27 tháng Sáu, Nguyễn Huệ dẫn đám tùy tướng vào làm lễ triều yết và đệ trình lên vua Lê Hiển Tông sổ quân dân của Tây Sơn, và vua Lê phong cho Nguyễn Huệ làm Đại Nguyên Sứ Phủ Chính Dực Vận Uy Quốc Công. Sau đó nhờ sự mai mối của Nguyễn Hữu Chỉnh vua Lê thuận gả con gái là Ngọc Hân Công chúa cho Nguyễn Huệ.

Vua Hiến Tông mất. Chịu tang xong, Nguyễn Huệ phải theo Nguyễn Nhạc rút quân về Nam và được vua anh phong cho là Bắc Bình Vương. Trước đây, sở dĩ Nguyễn Nhạc cũng kéo quân ra Bắc chỉ vì nghỉ em đó thôi.

Năm Đinh Mùi (1787) hay tin Nguyễn Hữu Chỉnh chuyên quyền ngoài Bắc, Nguyễn Huệ sai Vũ Văn Nhậm tổ chức lại chính trị, để Ngô Văn Sở ở lại trông coi, rồi rút quân về Phú Xuân.

Xảy tới việc Lê Chiêu Thống vì không phục Tây Sơn, lên nương náu tại đất Lạng Giang và cử người sang cầu cứu nhà Thanh.

Tôn Sĩ Nghị đem 200.000 quân thuộc bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu và Vân Nam từ ba mặt Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn tràn xuống Thăng Long. Một lần nữa Nguyễn Huệ lại đem quân ra Bắc dẹp giặc.

Ngày 25 tháng Mười một năm Mậu Thân (1788) Nguyễn Huệ làm lễ tế cáo Trời Đất tại núi Bân Sơn (Thuận Hóa) lên ngôi Hoàng Đế, đặt hiệu là Quang Trung rồi thống lĩnh thủy bộ đại binh Bắc tiến đánh giặc Thanh.

Ngày 29 tháng Mười một đến Nghệ An, nghỉ lại 10 ngày để tuyển thêm binh. Binh lực ta bấy giờ chừng 100.000 quân và hơn 300 thớt voi.

Ngày 20 tháng Chạp đến núi Tam Điệp, ngày 30 Tết Nguyễn Huệ phân binh thành 5 đạo, tự mình điều khiển trung quân trực chỉ Thăng Long.

Ngày Mùng Ba Tết Kỷ Dậu (1789) vua Quang Trung dùng kế hư binh, không đánh mà hạ được đồn Hà Hồi. Giờ Thân (khoảng 5 giờ chiều) ngày Mùng Năm Tết, đại quân Tây Sơn tiến vào Thăng Long. Vua Quang Trung uy nghi ngồi trên voi trận giữa muôn tiếng reo hò của quân dân đại thắng, áo bào sạm đen màu thuốc súng.

Ngày mùng Bảy Tết, đúng như lời đã hứa, vua Quang Trung truyền mở đại tiệc khao quân ăn Tết Khai Hạ ở Thăng Long.

Trước đó mấy ngày, tại Đống Đa, tướng Thanh là Sầm Nghi Đống phải thắt cổ tự tử. Hàng vạn quân giặc chạy bạt vào phía đầm Mực, bị voi dày mà chết.

Tôn Sĩ Nghị hoảng sợ chạy về mạn Bắc, đến địa phận huyện Phượng Nhãn phải vứt bỏ ấn tín để thoát lấy thân. Quan quân nhà Thanh tranh nhau qua cầu phao. Cầu sập, chết hại vô số.

Vua Lê Chiêu Thống cũng theo gót Tôn Sĩ Nghị chạy sang Tàu.

Như vậy là chỉ trong vòng 5 ngày, vua Quang Trung đã tiêu diệt và quét sạch 400.000 quân xâm lược và phu phen nhà Thanh ra khỏi bờ cõi. Thật là một chiến công vĩ đại nhất, hiển hách nhất trong lịch sử nhân loại, so với phương tiện chiến tranh thời bấy giờ.

Tường cần phải ghi thêm: Âu cũng là một trường hợp hy hữu của lịch sử nhân loại là cũng đúng năm này - 1789 - vào ngày 14 tháng Bảy, dân Pháp hạ ngục Bastille tại Paris. Và kể từ năm 1920, ngày này, 14-7, được Pháp quốc tôn vinh thành quốc lễ.

Nếu Nguyễn Huệ của chúng ta đã sánh duyên với Công chúa Ngọc Hân thành một cặp trai anh hùng gái thuyền quyền thì Napoléon của Pháp quốc cũng có một mối tình lãng mạn tha thiết với nàng Joséphine (1763-1814). Người ta từng trông thấy Napoléon âu yếm quỳ trước chân nàng Joséphine. (On a vu Napoléon s'agenouiller au pied de Jpséphine).

Trở lại với sử Việt, sau khi đuổi quân Thanh ra khỏi bờ cõi nước nhà, vua Quang Trung một mặt chịu nhún mình vận động với Thanh Triều để nối lại bang giao giữa nước ta và Trung Hoa, mặt khác lo cải tổ lại nội chính cho vững vàng.

Nhờ tài ngoại giao của Ngô Thời Nhiệm, tháng Bảy năm Kỷ Dậu (1789) Nguyễn Huệ được vua Thanh Càn Long phong làm An Nam Quốc Vương.

Về nội chính, vua Quang Trung xây dựng đế chế, lập Phượng Hoàng Trung đô ở Nghệ An, phong bà Ngọc Hân làm Bắc Cung Hoàng Hậu, lập Nguyễn Quang Toản làm Thái tử, chỉnh đốn các cơ quan hành chánh trung ương và địa phương; định lại quan chế; đối phó gắt gao với đám cựu thần nhà Lê khởi binh chống lại Tây Sơn; tổ chức nền học chánh, trọng dụng chữ Nôm và dự định đặt nền quốc học thuần túy Việt Nam; lập nhà Sùng Chính Viện, cử La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp làm Viện trưởng giữ việc giáo dục quốc dân; khuyến khích canh nông và chăm lo đời sống của nhân dân, bớt thuế cho dân nghèo, gặp năm đại hạn hay hồng thủy thì ra ân đại xá; tổ chức quân đội và huấn luyện binh sĩ; lập sổ đinh để tuyển binh; chia dân thành bốn hạng, mỗi người đeo một thẻ tín bài khắc bốn chữ Thiên Hạ Đại Tín để tiện kiểm soát, chấn chỉnh lại Phật giáo.

Đến năm Nhâm Tí (1792) khi nhận thấy lực lượng của mình đã khá hùng hậu có thể đương đầu với nhà Thanh, vua Quang Trung sai Võ Văn Dũng cầm đầu một sứ bộ sang Tàu yêu sách hai điều: Đòi lại đất Lưỡng Quảng và yêu cầu được kết duyên với con gái vua Thanh.

Nhưng mộng lớn chưa thực hiện được thì vào một buổi chiều, nhà vua đang ngồi bỗng huyền vận (nghĩa là hoa mắt, sa sầm choáng váng cả người) gục mặt xuống, hồi lâu mới tỉnh. Ngài nói chuyện này ngay với Trung thư Trần Văn Kỳ.

Thấy bệnh ngày một nặng, ngài bèn vời Trần thủ Nghệ An Trần Quang Diệu về bàn chuyện thiên đô ra Nghệ An. Việc thương nghị chưa ngã ngũ thì vua Thế Tổ (Gia Long) đã khắc phục Gia Định, chiếm được Bình Thuận, thanh thế lừng lẫy vang động. Vua Quang Trung hay tin đó đâm lo buồn, bệnh tình ngày một nguy kịch, bèn vời Trần Quang Diệu mà trời rằng:

Ta mở mang bờ cõi, khai thác đất đai, có cả cõi Nam này. Nay đau ốm tất không dậy được. Thái tử (Nguyễn Quang Toản) tư chất khá cao nhưng tuổi còn nhỏ (mới 10 tuổi). Ngoài có quân Gia Định Nguyễn Ánh là quốc thù, mà Thái Đức (Nguyễn Nhạc) tuổi già ham dật lạc, cầu an tạm bợ, không toan tính cái lo về sau. Khi ta chết rồi, nội trong một tháng phải chôn cất, việc tang làm đơn giản thôi. Lũ người nên hợp sức mà giúp Thái tử sớm thiên về Vĩnh Đô (tức Vinh ngày nay) để khống chế thiên hạ. Bằng chẳng, quân Gia Định kéo tới thì các người không có chỗ chôn đầu. (Theo Hoa Bằng - Quang Trung Nguyễn Huệ)

Vua Quang Trung mất vào ngày 29, tháng Bảy năm Nhâm Tí (1792), thọ 40 tuổi. Nhưng chết mà chưa hết chuyện đầu! Còn những nghi vấn về di mộ nữa.

3. NHỮNG NGHI VẤN VỀ DI MỘ CỦA VUA QUANG TRUNG

Làng Văn, số 194 năm 1999 trong mục Tin Việt Nam có ghi về những nghi vấn này. Xin được tóm tắt như sau:

Viện Khoa Học Kỹ Thuật Việt Nam vừa đưa ra giả thuyết về Phụng Hoàng Trung Đô có thể là lăng mộ của vua Quang Trung.

Theo chính sử, anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ có bộ óc thông minh và quyết đoán tuyệt vời. Vua Quang Trung rất bén nhạy tiên đoán được những gì sắp xảy ra trong đời mình. Chính ông giáo Hiến (người thầy mà hồi nhỏ Nguyễn Huệ theo học) đã nói: "Người này có công lớn ở Thăng Long nhưng chết ở đất Phụng Hoàng".

Vua Quang Trung cũng có thể đã tiên liệu về đời mình như vậy nên đã đốc thúc La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp và Thái phó Trần Quang Diệu lo xây dựng Phụng Hoàng Trung đô và đồng thời lo việc xây mộ.

Sự chơi chữ và đánh tráo thật hư của vua Quang Trung đương thời khó ai đoán biết được. Theo một số người, sở dĩ điều này có thể là một ẩn ý vì:

Nguyễn Thiếp là người Nghệ An giỏi về khoa phong thủy, lại là bậc đại nho. Người kế tiếp là Thái phó Trần Quang Diệu cũng gốc ở Nghệ An, lúc đó đang trấn giữ Nghệ An.

Bản thân vua Quang Trung, tổ phụ ba đời về trước cũng gốc họ Hồ ở đất Nghệ. Theo tục lệ các nhà vương giả xưa, khi chết vẫn luôn muốn được trở về quê cũ (như triều đại nhà Trần xưa với quê hương ở vùng Tức Mặc, tỉnh Nam Định, đã cho chúng ta thấy rõ điều này).

Nhân dịp kỷ niệm 210 năm ngày xây dựng Phụng Hoàng Trung Đô, một số nhà nghiên cứu có vẻ lại nơi này thì thấy không có gì đặc biệt khả dĩ khiến nhà Tây Sơn phải nặng lòng chú ý. Vùng núi Phụng Hoàng không rộng lắm, chu vi chỉ độ 40 hécta trở lại, và tuy có tạo nên hình thể như một chiếc gai, nhưng mặt trước bị án ngữ bởi một cù lao con rùa nhỏ ở gần cầu cảng Vinh; phía Đông nam có một dòng sông nhỏ vòng qua, và Bắc, Đông bắc là thành phố Vinh hiện nay. Người dân Nghệ An gọi vùng này là Rú Quyết. Giả thiết như Phụng Hoàng Trung đô lấy toàn bộ thành phố Vinh mà xây dựng thành quách lâu đài thì có lý, còn nếu xét riêng Phụng Hoàng thì chỉ có giá trị như một pháo đài. Vậy việc xây dựng kinh đô đã như thế nào?

Mặc dù Nguyễn Thiếp cùng với Thái phó Trần Quang Diệu đã bắt tay xây dựng công trình này trước khi vua Quang Trung mất gần hai năm, nhưng ngày nay một số chuyên gia tới kiểm chứng, chẳng hề thấy dấu tích thành xây dựng dở ở đâu cả. Phải chăng trong khoảng thời gian đó, Thái phó Trần Quang Diệu và Nguyễn Thiếp chỉ mới bắt đầu cho bí mật đục đá, xây lăng? Như vậy có vẻ phù hợp với sự kiện vua Quang Trung đã băng hà mà mãi tới ba tháng sau mới báo tang.

Việc Gia Long đào mả vua Quang Trung lấy đầu lâu đem về giam trong ngục thất mà sao đương thời không ai thấy và biết ở chỗ nào? Kể cả các giáo sĩ Gia Tô lúc đó luôn luôn bám sát sự hành quyết các

tướng lãnh Tây Sơn tại Phú Xuân cũng không ghi nhận gì về điều này. Bí mật, cho đến nay, vẫn còn nguyên về lăng mộ vua Quang Trung.

Sắp kỷ niệm 1000 năm cố đô Thăng Long, làm sao chúng ta có thể không nhắc tới công lao kỳ vĩ của vua Quang Trung năm Kỷ Dậu (1789) đã tiêu diệt hơn 20 vạn quân Thanh xâm lược để giải phóng Thăng Long! Do đó sự tìm kiếm di mộ vua Quang Trung quả thực mang một ý nghĩa cực kỳ trọng đại vậy!

DOÃN QUỐC SĨ sưu tập và biên soạn
Đặc san QUANG TRUNG & TÂY SƠN Xuân Canh Thìn 2000